TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 210/2017/HNGĐ-ST
Ngày 28/12/2017
v/v Kiện xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***:** Ông Lê Viết Kiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hạnh
2. Ông Nguyễn Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Minh Hiền – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Cành – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số**:** 940/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2017 về việc "*Kiện xin ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 214/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/12/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị Ng - Sinh năm: 1980 - (có mặt)
Địa chỉ: đường Y, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Anh Nguyễn Tấn T - Sinh năm: 1975 - (có mặt)
Địa chỉ: đường Đ, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Phan Thị Ng trình bày như sau:

Tôi và anh Nguyễn Tấn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999, đến ngày 18/02/2007 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện, thương yêu nhau.

Quá trình chung sống chúng tôi có 03 con chung là các cháu: Nguyễn Kim Tr, sinh ngày 09/7/2000; Nguyễn Thúy V, sinh ngày 22/6/2002; Nguyễn Tấn Ph, sinh ngày 03/11/2004. Hiện nay các cháu đang ở với tôi.

Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, anh T thường xuyên nhậu nhẹt và đánh đập tôi, bản thân tôi không chịu được nên phải sống ly thân nhau từ tháng 4/2017 cho đến nay. Thời gian vợ chồng chung sống và mâu thuẫn thì vợ chồng chúng tôi thuê nhà đường Đ, tổ dân phố 3, phường E, TP B, tỉnh Đắk Lắk

Nguyện vọng của tôi: Do không thể hàn gắn hạnh phúc được nữa, đề nghị Tòa án cho tôi được ly hôn anh Nguyễn Tấn T.

Về con chung: Đề nghị Tòa án cho tôi được nuôi cả 03 cháu Nguyễn Kim Tr, sinh ngày 09/7/2000; Nguyễn Thúy V, sinh ngày 22/6/2002; Nguyễn Tấn Ph, sinh ngày 03/11/2004 đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Tấn T trình bày:

Tôi và cô Phan Thị Ng chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999, đến ngày 18/2/2007 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện, thương yêu nhau.

Quá trình chung sống chúng tôi có 03 con chung là các cháu: Nguyễn Kim Tr, sinh ngày 9/7/2000; Nguyễn Thúy V, sinh ngày 22/6/2002; Nguyễn Tấn Ph, sinh ngày 3/11/2004. Hiện nay các cháu đang ở với cô Phan Thị Ng.

Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, tôi và cô Ng không hợp nhau, cô Ng có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, mặc dù không bắt được việc ngoại tình tuy nhiên rất nhiều người đồn đoán như vậy, chúng tôi sống ly thân nhau từ tháng 8/2017 cho đến nay. Nay cô Ng yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn tôi, tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa do vậy tôi cũng đồng ý ly hôn với cô Ng.

Về con chung: Đề nghị Tòa án cho tôi được nuôi cả 3 cháu đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu như sau:

Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa HĐXX và các đương sự đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Luật hôn nhân gia đình; Điều 27 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định án, phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phan Thị Ng. Chị Phan Thị Ng được ly hôn với anh Nguyễn Tấn T.

Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Kim Tr, sinh ngày 9/7/2000; Nguyễn Thúy V, sinh ngày 22/6/2002; Nguyễn Tấn Ph, sinh ngày 3/11/2004 cho chị Phan Thị Ng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Anh Nguyễn Tấn T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án "*Kiện tranh chấp hôn nhân và gia đình*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột theo quy định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 18/02/2007 anh Nguyễn Tấn T và chị Phan Thị Ng có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân phường Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện, thương yêu nhau. Vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống anh Nguyễn Tấn T và chị Phan Thị Ng cho biết vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng hay xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình, đoàn thể hòa giải nhiều lần nhưng không thành, vợ chồng sống ly thân nhau mỗi người một nơi không ai quan tâm chăm sóc nhau. Do đó chị Phan Thị Ng xin ly hôn, anh T cũng đồng ý.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tình cảm vợ chồng anh Nguyễn Tấn T và chị Phan Thị Ng không còn nữa, không còn thương yêu chăm sóc lẫn nhau, nguyện vọng của

chị Phan Thị Ng xin được ly hôn với anh Nguyễn Tấn T là phù hợp theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình do đó cần được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng chị anh Nguyễn Tấn T và chị Phan Thị Ng có ba con chung là các cháu Nguyễn Kim Tr, sinh ngày 9/7/2000; Nguyễn Thúy V, sinh ngày 22/6/2002; Nguyễn Tấn Ph, sinh ngày 3/11/2004. Hiện nay các cháu đang được chị Phan Thị Ng chăm sóc, nuôi dưỡng. Quá trình điều tra các đương sự có tranh chấp về nuôi con và đều yêu cầu được nuôi con chung, căn cứ vào nguyện vọng của các cháu Nguyễn Kim Tr, Nguyễn Thúy V và Nguyễn Tấn Ph mong muốn được ở với chị Phan Thị Ng. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị Ng, giao các cháu: Nguyễn Kim Tr, sinh ngày 9/7/2000; Nguyễn Thúy V, sinh ngày 22/6/2002; Nguyễn Tấn Ph, sinh ngày 3/11/2004 cho chị Phan Thị Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không chấp nhận yêu cầu nuôi con của anh Nguyễn Tấn T. Anh Nguyễn Tấn T được quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phan Thị Ng không yêu cầu nên không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Phan Thị Ng phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phan Thị Ng. Chị Phan Thị Ng được ly hôn với anh Nguyễn Tấn T.

Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Kim Tr, sinh ngày 9/7/2000; Nguyễn Thúy V, sinh ngày 22/6/2002; Nguyễn Tấn Ph, sinh ngày 3/11/2004 cho chị Phan Thị Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Tấn T được quyền đi lại thăm nom con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phan Thị Ng không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Phan Thị Ng phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0000534 ngày 4/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Buôn Ma Thuột.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thành phố Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS thành phố Buôn Ma Thuột;
- UBND phường Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Viết Kiên